

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ ĐỒN
TỈNH BẮC KẠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N1
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2023/DS-ST
Ngày: 25/4/2023
V/v T/c Hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N1
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ ĐỒN, TỈNH BẮC KẠN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Cạn.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nông Văn Điền.

2. Ông Nông Quang Mỹ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng N Anh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Đồn tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Nha - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 07/2022/TLST-DS ngày 17 tháng 10 năm 2022 về Tranh chấp “ Hợp đồng vay tài sản”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2023/QĐXXST-DS ngày 14 tháng 3 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 03/2023/QĐST-DS, ngày 28/3/2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Hữu Tiến T, sinh năm 1962. (Có mặt).

Trú tại: Tổ A, thị trấn B, huyện C, tỉnh Bắc Kạn.

2. Đồng nguyên đơn:

- Ông Vũ Trung K, sinh năm 1976. (Có mặt)

Trú tại: Tổ K, thị trấn B, huyện C, tỉnh Bắc Kạn.

- Ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1976.(Có mặt)

Trú tại: Tổ L, thị trấn B, huyện C, tỉnh Bắc Kạn.

2. Bị đơn:

- Anh Nguyễn Hoài N1, sinh năm (Vắng mặt không có lý do)

Trú tại: Thôn N thị trấn B, huyện Chợ Đ, tỉnh Bắc Kạn.

- Bà Nguyễn Thị L, sinh năm. (Vắng mặt không có lý do).

Trú tại: Thôn N thị trấn B, huyện C, tỉnh Bắc Kạn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Nguyên đơn ông Nguyễn Hữu Tiến T trong đơn khởi kiện, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa trình bày:

Vào ngày 01/6/2022 bà Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Hoài N1 có đến cửa hàng Cầm đồ mang tên Nguyễn Hữu Tiến T có tên khác là: Cửa hàng Cầm đồ T-N-K, địa chỉ thuộc: Tổ G, thị trấn B, huyện C, tỉnh Bắc Kạn. Cụ thể bà L, anh N1 có vay tiền của cửa hàng chúng tôi hai lần;

Lần thứ nhất: Vào buổi sáng ngày 01/6/2022 bà L và anh N1 vay 100.000.000đ, (Một trăm triệu đồng) , khi vay bà L và anh N1 nói là vay đi làm ăn ở Bắc Kạn và có viết giấy vay tiền, trong giấy vay tiền có chữ ký ghi rõ họ và tên của bà Nguyễn Thị L là người thừa kế và anh Nguyễn Hoài N1 là bên vay tiền; bên cho vay tiền là cửa hàng T- N – K và có chữ ký của ông Nguyễn Hữu Tiến T cùng có mặt ông Vũ Trung K, ông Nguyễn Văn N.

Lần thứ hai: Vào buổi chiều ngày 01/6/2022 bà L và anh N1 vay 50.000.000đ, (năm mươi triệu đồng) , khi vay bà L và anh N1 nói vì thiếu tiền đầu tư kinh doanh và có viết giấy vay tiền, trong giấy vay tiền có chữ ký ghi rõ họ và tên của bà Nguyễn Thị L là người thừa kế và anh Nguyễn Hoài N1 là bên vay tiền; bên cho vay tiền là cửa hàng T- N – K và có chữ ký của ông Nguyễn Hữu Tiến T cùng có mặt ông Vũ Trung K, ông Nguyễn Văn N.

Trong giấy vay tiền của 02 lần vay không ghi thời hạn vay, không ghi mức lãi suất, hai bên có thỏa thuận bằng lời thời hạn vay là 30 ngày và trả lãi trên tổng số vay gốc của 02 hai lần là: 150.000.000đ cụ thể là: 2.500.000đ tiền lãi trên một tháng.

Ngoài ra, trong trong giấy vay tiền buổi sáng ngày 01/6/2022 có ghi để lại “ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Nguyễn Hoài N1 SN 2001 trú tại thôn N, C, Bắc Kạn theo HS số: 321 quyển 01”. Trong giấy vay tiền buổi chiều ngày 01/6/2022 có viết “ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Nguyễn Hoài N1”.

Sau khi cửa hàng T – N – K là bên cho vay ông T trực tiếp đến nhà ở của bà L và gặp bà L 03 lần yêu cầu bà L trả tiền, nhưng bà L không có tiền trả, bà L có gọi điện cho (Con trai bà) là anh N1 mang tiền về trả nhưng anh N1 cũng không chịu trả đồng nào.

Từ ngày 01/6/2022 đến nay bà L, anh N1 cửa hàng T – N– K tổng số tiền nợ gốc là: 150.000.000 đồng và tiền lãi là: 12.500.000đ. Ông T đề nghị Tòa án giải quyết yêu cầu bà L và anh N1 cùng phải có trách nhiệm trả số tiền nợ gốc và lãi phát sinh cho cửa hàng T- N – K.

2. Đồng nguyên đơn ông Vũ Trung K trình bày: Vào ngày 01/6/2022 ông K được cùng ông T, ông N cho bà Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Hoài N1 vay tổng số tiền là: 150.000.000đ. Buổi sáng ngày 01/6/2022 cho vay 100.000.000đ; buổi chiều

ngày 01/6/2022 cho vay 50.000.000đ; có viết giấy vay tiền ; hai bên thỏa thuận bằng lời về thời hạn trả là 30 ngày và lãi phát sinh. Nhưng đến nay bà L và anh N1 không trả tiền cho cửa hàng được đồng nào, nên ông K đề nghị Tòa án giải quyết yêu cầu bà L và anh N1 cùng phải có trách nhiệm trả số tiền nợ gốc và lãi phát sinh cho cửa hàng T- N – K.

3. Đồng nguyên đơn ông Nguyễn Văn N trình bày: Vào ngày 01/6/2022 ông N được cùng ông T, ông K cho bà Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Hoài N1 vay tổng số tiền là: 150.000.000đ. Buổi sáng ngày 01/6/2022 cho vay 100.000.000đ; buổi chiều ngày 01/6/2022 cho vay 50.000.000đ; có viết giấy vay tiền , hai bên có thỏa thuận bằng lời về thời hạn trả là 30 ngày và lãi phát sinh. Nhưng đến nay bà L và anh N1 không trả tiền cho cửa hàng được đồng nào, nên ông K đề nghị Tòa án giải quyết yêu cầu bà L và anh N1 cùng phải có trách nhiệm trả số tiền nợ gốc và lãi phát sinh cho cửa hàng T- N – K.

4. Bị đơn bà Nguyễn Thị L không hợp tác làm việc với Tòa án:

Tuy nhiên, trong biên bản ngày 08/12/2022 bà L có trình bày: Bà L đã biết được ông Nguyễn Hữu Tiến T đứng đơn khởi kiện ra Tòa án nhân dân huyện Chợ Đồn yêu cầu bà và anh N1 trả số tiền nợ gốc là : 150.000.000đ và lãi phát sinh. Bà L thừa nhận bà được cùng con trai bà là anh N1 trực tiếp ký nhận giấy vay tiền với ông T chủ cửa hàng T – N – K 02 lần với tổng số tiền vay gốc là: 150.000.000đ, địa điểm vay tại cơ sở Vũ Trung K tại Tổ K, thị trấn, huyện C, tỉnh Bắc Kạn. Bà L khẳng định bà sẽ có trách nhiệm cùng anh N1 trả số tiền nợ 150.000.000đ cho ông T chủ cửa hàng T- N – K nhưng do hiện nay bà chưa có điều kiện trả.

5. Bị đơn anh Nguyễn Hoài N1 không hợp tác làm việc với Tòa án:

Tuy nhiên, trong biên bản làm việc ngày 08/12/2022 anh N1 có trình bày: Anh đã biết được ông Nguyễn Hữu Tiến T đứng đơn khởi kiện ra Tòa án nhân dân huyện Chợ Đồn yêu cầu anh và bà L trả số tiền nợ gốc là: 150.000.000đ và lãi phát sinh. Anh N1 thừa nhận anh được cùng mẹ là bà L trực tiếp ký nhận giấy vay tiền với ông T chủ cửa hàng T – N – K 02 lần với tổng số tiền vay là: 150.000.000đ, địa điểm vay tại cơ sở Vũ Trung K tại Tổ K, thị trấn B, huyện C, tỉnh Bắc Kạn. Anh N1 khẳng định anh sẽ có trách nhiệm cùng bà L trả số tiền nợ gốc 150.000.000đ cho ông T chủ cửa hàng T – N – K nhưng do hiện nay anh chưa có điều kiện trả.

Ngoài ra, Tòa án tiến hành xác minh nơi cư trú ĐKKHTT và chỗ ở hiện nay đối với bà Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Hoài N1. Kết quả xác minh hiện nay bà L và anh N1 đều có ĐKKHTT: Tại thôn N, thị trấn B, huyện C, tỉnh Bắc Kạn.

Sau khi thụ lý giải quyết vụ án bị đơn không hợp tác làm việc với Tòa án. Tòa án đã ra thông báo mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng không tiến hành được. Tòa án lập biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, đồng thời các đồng nguyên đơn có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải, nên Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung.

Quá trình giải quyết vụ án đồng nguyên đơn ông Nguyễn Hữu Tiến T, Vũ Trung K, Nguyễn Văn N ngày 23/01/2023 có đơn đề nghị không yêu cầu anh Nguyễn Hoài N1 và bà Nguyễn Thị L phải trả phần tiền lãi trên nợ gốc từ ngày 01/6/2022 đến nay và không yêu cầu Tòa án giải quyết đối với việc anh Nguyễn Hoài N1 để lại giấy chứng nhận QSDĐ số 321 quyền số 1 cùng vụ án này. Tại phiên tòa, đồng nguyên đơn: Giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết dứt điểm phần yêu cầu bà Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Hoài N1 phải cùng nhau có trách nhiệm liên đới trả lại số tiền nợ gốc là: 150.000.000,đ (Một trăm năm mươi triệu đồng) đã vay của cửa hàng T – N – K cho các ông Nguyễn Hữu Tiến T, Vũ Trung K, Nguyễn Văn N, ngoài ra không có yêu cầu nào khác.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên - đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án; kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều thực hiện theo đúng quy định của pháp luật tố tụng. Về thời hạn giải quyết vụ án được đã đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án thấy. Nguyên đơn chấp hành đầy đủ, bị đơn không chấp hành.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Chấp nhận đơn khởi kiện của các đồng nguyên đơn ông Nguyễn Hữu Tiến T, Vũ Trung K, Nguyễn Văn N đối với các bị đơn là bà Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Hoài N1 phải cùng nhau có nghĩa vụ trả số tiền nợ gốc là: 150.000.000,đ (Một trăm năm mươi triệu đồng). Đình chỉ giải quyết yêu cầu của đồng nguyên đơn đối với phần trả nợ lãi. Đương sự trong vụ án phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về căn cứ áp dụng pháp luật tố tụng:

Xác định là vụ án tranh chấp hợp đồng vay tài sản, bị đơn có nơi cư trú (NĐKHKT) và chỗ ở hiện nay: Thôn N, thị trấn B, huyện C, tỉnh Bắc Kạn. Căn cứ Điều 26, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thấy vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn.

Tại phần thủ tục bắt đầu phiên tòa việc vắng mặt bị đơn bà Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Hoài N1, nguyên đơn, Kiểm sát viên đề nghị xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định.

[2]. Về căn cứ áp dụng pháp luật nội dung: Xác định là vụ án tranh chấp hợp đồng vay tài sản nên căn cứ vào Bộ luật dân sự năm 2015 để giải quyết. Tại phiên tòa các đồng nguyên đơn đề nghị Tòa án giải quyết quyền tự định đoạt của đương sự là yêu cầu bà Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Hoài N1 cùng nhau phải có trách nhiệm liên đới trả nợ đối với cửa hàng Cầm đồ T – N – K đứng tên Nguyễn Hữu Tiến T, địa chỉ

trú tại: Tổ G, thị trấn B, huyện C, tỉnh Bắc Kạn, cụ thể theo giấy vay tiền của bên cho vay, bên vay vào buổi sáng và buổi chiều ngày 01/6/2022 tổng số tiền: 150.000.000 đồng là có thật.

Nội dung, hình thức trong “ Giấy vay tiền” hai bên không ghi thời hạn vay và mức lãi suất. Tuy nhiên, có thỏa thuận bằng lời nói về thời hạn vay và lãi suất. Có ghi để lại “ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Nguyễn Hoài N1 SN 2001 trú tại thôn N, C, Bắc Kạn theo HS số: 321 quyền 01”. Trong giấy vay tiền buổi chiều ngày 01/6/2022 có viết “ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Nguyễn Hoài N1”.

Sau khi cho vay đồng nguyên đơn là ông Nguyễn Hữu Tiến T đã trực tiếp gặp bà L và anh N1 nhiều lần yêu cầu bà L, anh N1 trả nợ hưng bà L và anh N1 đều khất lần, không chịu trả.

Ngày 01/6/2022 đến nay bà L, anh N1 không trả được cho cửa hàng nợ gốc là 150.000.000 đồng và lãi phát sinh, nhưng ngày 23/01/2023 đồng nguyên đơn rút không yêu cầu phải trả phần lãi phát sinh.

Xét thấy đơn khởi kiện của đồng nguyên đơn và căn cứ giấy vay tiền đã ký kết ngày 01/6/2022 giữa các bên thấy yêu cầu của đồng nguyên đơn buộc bà Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Hoài N1 phải cùng nhau có trách nhiệm trả số tiền nợ gốc đã vay cho các ông Nguyễn Hữu Tiến T, Vũ Trung K, Nguyễn Văn N là phù hợp với giấy vay tiền ngày 01/6/2022 và lời trình bày ngày 08/12/2022 của bà L và anh N1. Nên cần chấp nhận yêu cầu của các đồng nguyên đơn về phần trả nợ gốc: 150.000.000đ là có cơ sở. Phía bị đơn tuy rằng không hợp tác làm việc với Tòa án nhưng qua xác minh các bị đơn vẫn thừa nhận có được vay và sẽ có trách nhiệm trả tổng số tiền nợ gốc là: 150.000.000 đ theo giấy vay tiền ngày 01.6/2022 cho các đồng nguyên đơn.

[3] Về đánh giá căn cứ giá trị pháp lý của hợp đồng vay tiền:

Thấy hai “Giấy vay tiền” buổi sáng, buổi chiều ngày 01/6/2022 tổng số tiền vay là: 150.000.000đ (Một trăm năm mươi triệu đồng). Trong hợp đồng không ghi thời hạn trả nợ, không ghi mức lãi suất. Nhưng trong tờ giấy vay tiền có chữ ký ghi rõ họ tên của bên cho vay là cửa hàng T – N – K và bên được vay là bà L và anh N1. Nên hai giấy vay tiền ngày 01/6/2022 được hai bên tự nguyện, thỏa thuận không bị ai ép buộc được coi là hợp lệ.

[4]. Về án phí: Bà Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Hoài N1 phải có trách nhiệm chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại chi cục thi hành dân sự huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự. Các Điều 463; 465, 466 Bộ luật dân sự.

1. Chấp nhận đơn khởi kiện của các đồng nguyên đơn ông Nguyễn Hữu Tiến T, ông Vũ Trung K, ông Nguyễn Văn N về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản với các bị đơn là bà Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Hoài N1.

Buộc các bị đơn bà Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Hoài N1 phải cùng nhau có trách nhiệm trả tổng số tiền nợ gốc đã vay là: 150.000.000,đ (Một trăm năm mươi triệu đồng) cho ông Nguyễn Hữu Tiến T, ông Vũ Trung K, ông Nguyễn Văn N.

Việc thi hành án đối với bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo Điều 357, 468 Bộ luật dân sự.

Căn cứ Điều 5; Điều 244/ BLTTDS. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khoản tiền lãi phát sinh mà các đồng nguyên đơn đã rút ngày 23/01/2023.

2. Án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Buộc bà Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Hoài N1 phải cùng nhau có trách nhiệm chịu 7.500.000,đ (Bảy triệu năm trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch để sung công quỹ Nhà nước.

Hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí cho ông Nguyễn Hữu Tiến T đã nộp là: 3.750.000,đ (Ba triệu, bảy trăm năm mươi nghìn đồng) theo biên lai số: 0001367 ngày 13/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Về quyền kháng cáo: Các đồng Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Các bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết hợp lệ./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Kạn;
- VKSND huyện Chợ Đồn;
- THADS huyện Chợ Đồn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Duy Cận

